

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẢI HẬU
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2018/HNGĐ-ST
Ngày 26-01-2018
V/v Ly hôn giữa chị T và anh V”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Ái

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Việt Hùng;

Bà Trần Thị Phương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sinh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu.

Ngày 26 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 217/2017/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Thôn NT, xã Nhật T, huyện B, tỉnh Hà Nam.

- Bị đơn: Anh Phạm Hồng V, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Xóm PL, xã HC, huyện H, tỉnh Nam Định.

(Chị T có đơn xin vắng mặt, anh V vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28 tháng 9 năm 2017 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T kết hôn với anh Phạm Hồng V ngày 27-10-2004 tại UBND xã Hải Châu, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định trên cơ sở tự nguyện có tìm hiểu. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng mẹ đẻ anh V ở xã Hải Châu, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2006 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh V không chịu làm ăn, thường xuyên bỏ nhà đi đâu không rõ từ 5 đến 7 ngày mới về. Trong thời gian này vì chị T mới sinh con nên không đi làm được, kinh tế gia đình giảm

sút lâm vào hoàn cảnh khó khăn nên vợ chồng càng mâu thuẫn. Do không thể chung sống được với anh V nên tháng 7 năm 2007, chị T đã đưa con về nhà mẹ đẻ ở Hà Nam để sinh sống và vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị T nhận thấy tình cảm giữa chị và anh V không còn, vợ chồng sống ly thân đã lâu nên chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là cháu Phạm Phương Thảo, sinh ngày 25-11-2005, hiện đang ở cùng chị T. Khi ly hôn chị T nhận nuôi con và không yêu cầu anh V phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và công nợ: Vợ chồng không có tài sản gì chung, không vay nợ của ai và không cho ai vay nợ nên chị T không đề nghị Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập anh V đến Tòa án để làm việc và giao nhận các V bản tố tụng theo quy định của pháp luật như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh V đều vắng mặt. Bà Phạm Thị T là mẹ đẻ anh V đã nhận thay anh V tất cả các V bản tố tụng nêu trên và cam kết thông báo, giao lại cho anh V. Như vậy anh V đã biết được quyền và nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng, nhưng đến nay anh V vẫn cố tình vắng mặt và không gửi cho Tòa án V bản ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị T có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu giải quyết vụ án hôn nhân và gia đình giữa chị và anh Phạm Hồng V. Căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. Chị Nguyễn Thị T có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt; Anh Phạm Hồng V đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó Tòa án xét xử vắng mặt chị T, anh V theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Hồng V kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại UBND xã Hải Châu, huyện Hải Hậu ngày 27-10-2004. Như vậy hôn nhân giữa chị T và anh V là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Do vợ chồng có mâu thuẫn trầm trọng và thời gian sống ly thân đã lâu nên chị T xin ly hôn với anh V. Qua xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thấy rằng anh V thường xuyên bỏ nhà đi, thời gian chị T và anh V sống ly thân đã lâu nhưng không có biện pháp, hành động hàn gắn tình cảm mong muốn cuộc sống chung của vợ chồng tiếp tục tồn tại. Mặt khác anh V không chấp hành giấy triệu

tập của Tòa án, cố tình vắng mặt không đến, điều đó chứng tỏ anh V không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị T.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Hồng V đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, cho chị T được ly hôn anh V là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Hồng V có một con chung là cháu Phạm Phương Thảo, sinh ngày 25-11-2005, hiện đang ở cùng chị T. Khi ly hôn, chị T đề nghị được nuôi con chung và không yêu cầu anh V phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy cháu Thảo còn nhỏ tuổi, cần sự chăm sóc của người mẹ, nguyện vọng của cháu Thảo cũng mong muốn được ở với mẹ. Anh V cũng không có ý kiến gì về việc chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cháu Thảo. Do vậy, cần giao cháu Phạm Phương Thảo cho chị Nguyễn Thị T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và chấp nhận ý kiến của chị Thảo về việc không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung và công nợ: Do chị T xác nhận vợ chồng không có tài sản gì chung, không vay nợ của ai và không cho ai vay nợ, đến nay anh V cũng không có ý kiến gì về vấn đề tài sản chung và công nợ nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Hồng V.

2. Về nuôi con chung: Giao chị Nguyễn Thị T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cháu Phạm Phương Thảo, sinh ngày 25-11-2005 đến tuổi thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản riêng để tự nuôi mình. Anh V không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị T và có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ tại biên lai số 0002322 ngày 02-11-2017 của Chi cục thi

hành án dân sự huyện Hải Hậu, chị Nguyễn Thị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nam Định: (1 bản);
- VKSND tỉnh+huyện: (2 bản);
- Chi cục THADS huyện: (1 bản);
- UBND xã Hải Châu: (1 bản);
- Cấp cho đương sự: (2 bản);
- Lưu hồ sơ: (1 bản);
- Lưu V phòng: (1 bản).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Vũ Văn Ái